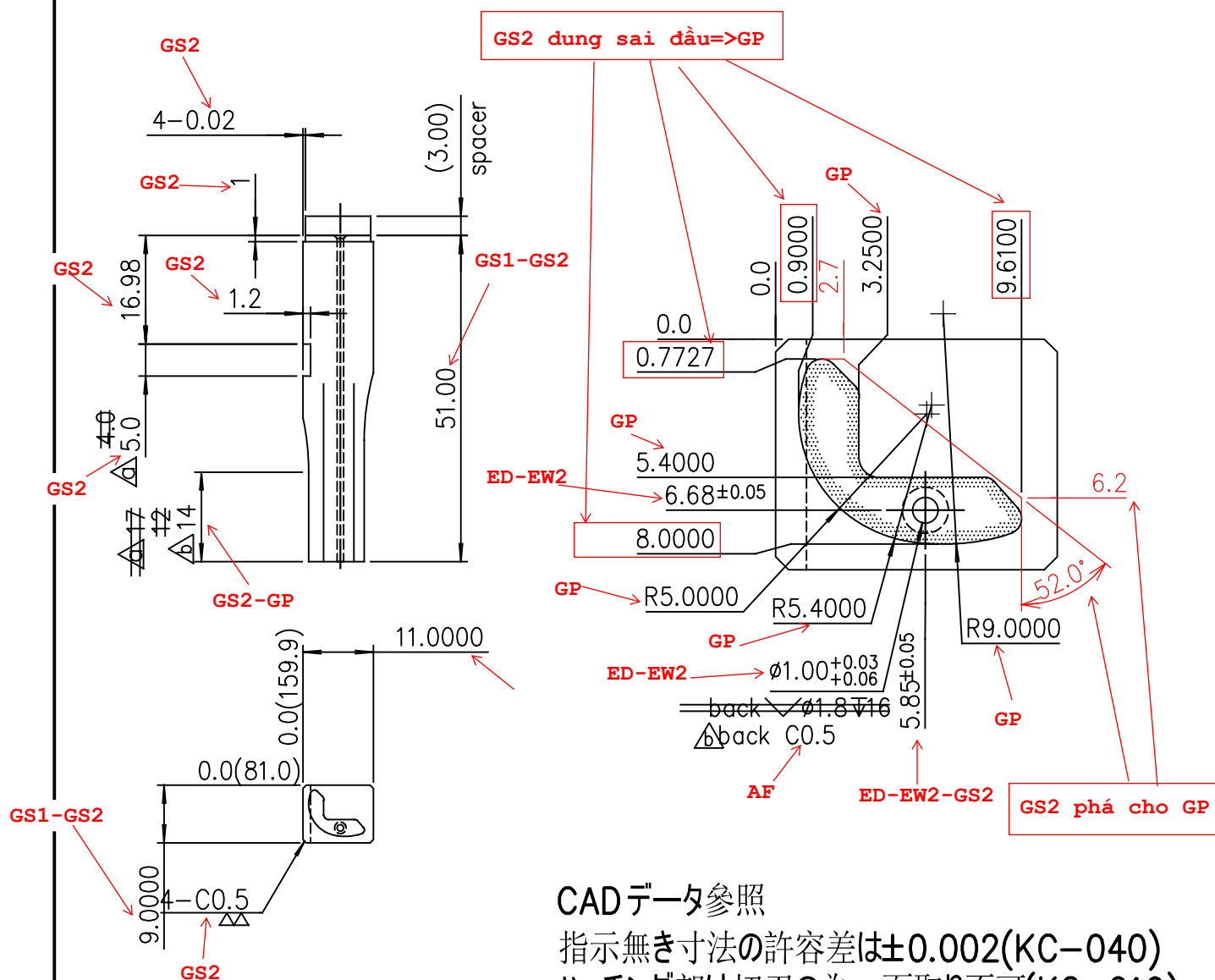
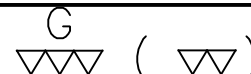


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/09/14	????		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰ ₋₀	⁺⁰ _{-0.005}
	2019/11/01	?????(???)		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 ₋₀	⁺⁰ _{-0.005}
	2020/05/06	????(???)	TKM-20-0004	Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰ ₋₀	⁺⁰ _{-0.01}
							0.0	±0.1	0.00 ₋₀	⁺⁰ _{-0.01}
							0.	±0.2	0.0 ⁺⁰ ₋₀	⁺⁰ _{-0.1}

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	WC(V50)		???	?????????
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	TRIMMING PUNCH
Lin_Wei_Cheng		1:1	???	????
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Lin_Wei_Cheng	HRC ?	A4V	2018/09/14	R179411

SNO: R179411	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCV50 T10*14*55	EW1:30 GS1:30 ED:30 EW2:40 GS2:200 GP:600 KT